

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		920,126,150,170	697,634,589,303
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	223,678,387,669	20,826,093,565
1. Tiền	111		162,878,387,669	20,826,093,565
2. Các khoản tương đương tiền	112		60,800,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12,500,000,000	410,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	12,500,000,000	410,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		334,331,005,800	321,161,211,685
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	313,799,058,763	272,623,463,049
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	19,755,441,495	47,634,843,470
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		776,505,542	902,905,166
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		327,968,167,006	333,749,986,365
1. Hàng tồn kho	141	V.5	352,596,375,743	356,381,498,350
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(24,628,208,737)	(22,631,511,985)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21,648,589,695	21,487,297,688
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	662,643,078	2,163,721,865
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10,330,684,947	11,025,852,764
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1,535,840,479	418,400,734
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	9,119,421,191	7,879,322,325

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		589,078,112,204	517,535,006,285
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		571,496,751,819	499,579,135,406
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	479,771,021,733	451,189,204,196
<i>Nguyên giá</i>	222		613,042,108,101	528,932,609,536
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(133,271,086,368)	(77,743,405,340)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	34,915,377,050	35,252,431,368
<i>Nguyên giá</i>	228		35,878,937,301	35,741,138,001
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(963,560,251)	(488,706,633)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	56,810,353,036	13,137,499,842
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10,000,000	10,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10,000,000	10,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17,571,360,385	17,945,870,879
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	15,904,912,147	10,406,155,236
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	1,502,802,238	7,384,235,643
3. Tài sản dài hạn khác	268		163,646,000	155,480,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,509,204,262,374	1,215,169,595,588

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		826,813,185,890	799,898,452,005
I. Nợ ngắn hạn	310		615,962,593,517	586,910,649,255
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	399,402,059,691	465,237,227,745
2. Phải trả người bán	312	V.14	166,025,178,285	96,807,901,631
3. Người mua trả tiền trước	313		1,195,341,514	396,376,240
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	20,343,200,132	2,047,313,894
5. Phải trả người lao động	315	V.16	23,869,545,810	18,120,965,622
6. Chi phí phải trả	316	V.17	684,359,313	2,499,760,832
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	4,442,908,772	1,801,103,291
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		210,850,592,373	212,987,802,750
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	209,822,118,693	212,251,039,377
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.20	1,028,473,680	736,763,373
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		647,888,295,527	391,905,242,477
I. Vốn chủ sở hữu	410		639,644,022,180	388,819,473,265
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	325,680,000,000	300,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		92,448,000,000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.21	(3,592,672,278)	459,674,037
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.21	111,626,445	136,774,604
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	224,997,068,013	88,223,024,624
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		8,244,273,347	4,604,435,852
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.22	8,244,273,347	3,085,769,212
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		34,502,780,957	23,365,901,106
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,509,204,262,374	1,215,169,595,588
			-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		4,864,128.67	953,630.66
Euro (EUR)		433.32	299.29
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 01 năm 2010

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ	
			NĂM 2009	NĂM 2008	NĂM 2009	NĂM 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	721,254,123,317	617,442,732,082	2,810,665,388,844	2,442,450,718,095
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	620,550,668	-	14,271,126,710	91,190,000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	720,633,572,649	617,442,732,082	2,796,394,262,134	2,442,359,528,095
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	638,605,583,270	562,453,023,826	2,349,016,840,605	2,153,442,679,853
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82,027,989,379	54,989,708,256	447,377,421,529	288,916,848,242
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	50,826,098,155	7,387,593,114	97,203,848,887	42,031,250,915
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20,894,633,029	38,053,876,112	108,081,330,177	113,508,218,900
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11,641,417,866	19,586,947,861	48,646,626,000	47,399,693,748
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	42,532,649,345	42,572,062,015	159,167,949,611	113,828,183,961
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8,466,114,700	(14,716,594,057)	35,561,850,215	18,856,633,111
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60,960,690,460	(3,532,042,700)	241,770,140,413	84,755,063,185
11. Thu nhập khác	31		1,377,617,795	(1,228,212,877)	5,052,313,197	137,379,570
12. Chi phí khác	32		1,701,676,903	147,205,649	5,892,183,887	234,247,730
13. Lợi nhuận khác	40		(324,059,108)	(1,375,418,526)	(839,870,690)	(96,868,160)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60,636,631,352	(4,907,461,226)	240,930,269,723	84,658,195,025
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		14,481,198,243	(3,618,522,957)	31,265,214,529	9,616,586,897
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1,785,800,440	(7,203,648,457)	5,881,433,405	(7,203,648,457)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44,369,632,669	5,914,710,188	203,783,621,789	82,245,256,585
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		1,626,184,997	1,028,477,984	14,509,231,692	2,202,565,594
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		42,743,447,672	4,886,232,204	189,274,390,097	80,042,690,991
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	1,425	163	6,309	2,668

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 01 năm 2010

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**(Theo phương pháp gián tiếp)****Năm 2009**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		240,930,269,723
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	V. 8, 9	63,928,764,542
- Các khoản dự phòng	03		1,996,696,752
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		7,611,929,515
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		400,162,524
- Chi phí lãi vay	06		48,646,626,000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		363,514,449,056
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3,614,834,276
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5,781,819,359
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		75,669,045,965
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3,997,678,124)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(48,646,626,000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.15	(15,579,554,997)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2,251,118,896)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		378,105,170,639
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(149,068,999,711)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		478,069,372
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(160,004,060,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		147,914,060,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,275,558,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(157,405,372,339)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		118,128,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13, 19	2,162,598,741,514
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13	(2,249,890,741,329)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(48,849,702,897)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18,013,702,712)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		202,686,095,588
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	20,826,093,565
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		166,198,516
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	223,678,387,669

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 01 năm 2010

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2009

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn, Công ty Cổ phần Thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 và Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản); Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; Sản xuất bao bì giấy, in các loại; Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
- Tổng số các công ty con** : 2

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	69,80%	69,80%
Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	3371, Gostetter-rd, San Jose, California 95132, Hoa Kỳ	100,00%	100,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn được trình bày theo đơn vị tiền tệ của quốc gia mà đơn vị đó hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo Đồng Việt Nam (VND), đồng tiền quốc gia mà Công ty mẹ đang hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loai tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 6

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng (50 năm).

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 – 5 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 - 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí tư vấn

Chi phí tư vấn được phân bổ trong 18 tháng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ các Công ty trong Tập đoàn.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn như sau:

- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái).

Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty trong Tập đoàn có đồng tiền hạch toán khác với tiền Đồng Việt Nam được chuyển đổi như sau:

- Tài sản và nợ phải trả, Doanh thu và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008 : 16.977 VND/USD
31/12/2009 : 17.941 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.744.796.920	2.196.056.752
Tiền gửi ngân hàng	161.133.590.749	18.630.036.813
Các khoản tương đương tiền	60.800.000.000	-
Cộng	<u>223.678.387.669</u>	<u>20.826.093.565</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho ông Phan Ngọc Ân vay	12.500.000.000	-
Cho Cty TNHH Đại Chí Phong vay	-	410.000.000
Cộng	<u>12.500.000.000</u>	<u>410.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	148.701.382.207	162.601.399.704
Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	86.027.509.662	53.988.982.512
Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	79.070.166.894	56.033.080.833
Cộng	<u>313.799.058.763</u>	<u>272.623.463.049</u>

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	16.817.258.382	46.530.712.431
Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	2.938.183.113	1.104.131.039
Cộng	<u>19.755.441.495</u>	<u>47.634.843.470</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đi đường	259.157.628	-
Nguyên liệu, vật liệu	69.912.452.507	34.858.169.132

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	2.524.638.759	2.334.691.761
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	109.150.634.514	75.358.085.162
Thành phẩm	170.725.255.210	243.757.977.999
Hàng hóa	24.237.125	72.574.296
Cộng	<u>352.596.375.743</u>	<u>356.381.498.350</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Số đầu năm	2.163.721.865
Tăng trong kỳ	2.461.827.148
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(3.962.905.935)
Số cuối kỳ	<u>662.643.078</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	8.565.632.491	7.355.128.425
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	553.788.700	524.193.900
Cộng	<u>9.119.421.191</u>	<u>7.879.322.325</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	185.195.244.635	332.625.041.460	9.218.511.470	1.893.811.971	528.932.609.536
Tăng trong năm	70.260.757.013	22.601.553.034	3.039.605.721	369.218.104	96.271.133.872
Giảm trong năm	(11.283.260.874)	(399.593.000)	(478.781.433)	-	(12.161.635.307)
Số cuối kỳ	<u>244.172.740.774</u>	<u>354.827.001.494</u>	<u>11.779.335.758</u>	<u>2.263.030.075</u>	<u>613.042.108.101</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	18.126.783.532	56.462.978.098	2.055.160.826	1.098.482.884	77.743.405.340
Khấu hao trong kỳ	14.656.315.240	46.692.405.630	1.787.637.470	317.552.584	63.453.910.924
Khấu hao giảm trong kỳ	(7.577.540.350)	(90.384.140)	(258.305.406)	-	(7.926.229.896)
Số cuối kỳ	<u>25.205.558.422</u>	<u>103.064.999.588</u>	<u>3.584.492.890</u>	<u>1.416.035.468</u>	<u>133.271.086.368</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	167.068.461.103	276.162.063.362	7.163.350.644	795.329.087	451.189.204.196
Số cuối kỳ	<u>218.967.182.352</u>	<u>251.762.001.906</u>	<u>8.194.842.868</u>	<u>846.994.607</u>	<u>479.771.021.733</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	35.209.548.201	531.589.800	35.741.138.001

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Mua trong năm	66.343.300	71.456.000	137.799.300
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	35.275.891.501	603.045.800	35.878.937.301
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	230.787.505	257.919.128	488.706.633
Khấu hao trong năm	381.861.408	92.992.210	474.853.618
Số cuối năm	612.648.913	350.911.338	963.560.251
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	34.978.760.696	273.670.672	35.252.431.368
Số cuối năm	34.663.242.588	252.134.462	34.915.377.050

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
<i>Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải XN1+ XN3</i>	2.482.433.999	4.057.451.395	(6.539.885.394)	-
<i>Công trình nhà xưởng số 1</i>	-	14.139.622.833	-	14.139.622.833
<i>Công trình nhà xưởng số 3</i>	1.601.506.377	33.469.280.428	(32.650.215.555)	2.420.571.250
<i>Chi phí đào ao nuôi cá</i>	4.480.289.516	11.024.233.248	(5.829.674.009)	9.674.848.755
<i>Dây chuyền chế biến thức ăn thủy sản và bột cá</i>	4.573.269.950	35.845.753.918	(9.843.713.670)	30.575.310.198
Cộng	13.137.499.842	98.536.341.822	(54.863.488.628)	56.810.353.036

11. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	10.406.155.236
Tăng trong kỳ	9.435.170.591
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(3.936.413.680)
Số cuối kỳ	15.904.912.147

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	7.384.235.643
Phát sinh trong năm	1.502.802.238

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Hoàn nhập trong năm	7.384.235.643
Số cuối năm	1.502.802.238

13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	355.168.735.691	379.232.010.284
- Vay Natexis Banques Populaires	-	35.298.646.719
- Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	276.252.854.450	254.615.725.565
- Vay Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	59.317.638.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp ^(b)	78.915.881.241	30.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác với lãi suất thời điểm.	-	35.898.332.400
Vay dài hạn đến hạn trả	44.233.324.000	50.106.885.061
Cộng	399.402.059.691	465.237.227.745

^(a) Khoản vay hạn mức Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

^(b) Khoản vay hạn mức Ngân Hàng Đầu tư & Phát Triển Đồng Tháp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	379.232.010.284	2.043.776.033.913	(2.072.339.308.506)	355.168.735.691
Vay ngắn hạn các cá nhân	35.898.332.400	12.000.000.000	(43.398.332.400)	0
Vay dài hạn đến hạn trả	50.106.885.061	44.233.324.000	(50.106.885.061)	44.233.324.000
Cộng	465.237.227.745	2.100.009.357.913	(2.165.844.525.967)	399.402.059.691

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	103.512.609.506	80.634.179.347
Nhà cung cấp của Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	62.512.568.779	16.171.183.545
Nhà cung cấp của Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	-	2.538.739
Cộng	166.025.178.285	96.807.901.631

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.104.431.954
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa tại VH	(39.817.872)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp tại VH1	1.062.270.807	23.818.444
Thuế phải nộp tại VH USA	5.350.183.816	(418.400.734)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế nhập khẩu nộp thừa tại VH	(1.496.010.723)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.890.625.646	763.608.906
Thuế thu nhập cá nhân	40.107.979	155.454.590
Cộng:	18.807.359.653	1.628.913.160

16. Phải trả người lao động

Lương tháng 12/2009 và số dư lương tháng 13 phải trả cho công nhân viên.

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	2.379.760.832
Chi phí khác	684.359.313	120.000.000
Cộng	684.359.313	2.499.760.832

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.196.106.374	850.502.483
Bảo hiểm xã hội	475.083.035	238.799.938
Bảo hiểm y tế	-	117.639.385
Các khoản phải trả khác	2.771.719.363	594.161.485
Cộng	4.442.908.772	1.801.103.291

19. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ^(a)	143.822.118.693	168.012.978.501
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	-	44.238.060.876
Vay Ngân hàng Đầu Tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(b)	66.000.000.000	-
Cộng	209.822.118.693	212.251.039.377

(a) Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất bằng Lãi suất Sibor 6 tháng + lãi suất biên USD để xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (phân xưởng 3). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc dự án bao gồm máy móc, thiết bị, công trình xây dựng, quyền sử dụng đất của khu đất 21.571,2 m² xây dựng nhà máy và khu đất 8.790m².

(b) Khoản vay Ngân hàng Đầu Tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp cho nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ các tài sản cố định và đất đai hiện có của Vĩnh Hoàn 1.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	-
Trên 1 năm đến 5 năm	209.822.118.693
Trên 5 năm	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng nợ					209.822.118.693
Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay dài hạn như sau:					
Số đầu kỳ					212.251.039.377
Số tiền vay phát sinh trong kỳ					106.822.707.601
Số tiền vay đã trả trong kỳ					(72.962.511.076)
Kết chuyển sang nợ ngắn hạn					(44.233.324.000)
Chênh lệch tỷ giá					7.944.206.791
Số cuối kỳ					209.822.118.693
20. Dự phòng trợ cấp mất việc làm					
Số đầu năm					736.763.373
Số trích lập trong kỳ					616.809.307
Số chi trong kỳ					(325.099.000)
Số cuối kỳ					1.028.473.680
21. Vốn chủ sở hữu					
<i>Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	459.674.037	136.774.604	88.223.024.624	388.819.473.265
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh		(4.052.346.315)		77.298.371	(3.975.047.944)
Lợi nhuận tăng trong kỳ	118.128.000.000		(25.148.159)	189.274.390.097	307.377.241.938
Trích lập các quỹ				(7.492.895.079)	(7.492.895.079)
Chi trả cổ tức trong kỳ				(45.084.750.000)	(45.084.750.000)
Số dư cuối kỳ	418.128.000.000	(3.592.672.278)	111.626.445	224.997.068.013	639.644.022.180
Cổ phiếu					
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành					30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng					32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông					32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi					-
Số lượng cổ phiếu được mua lại					-
- Cổ phiếu phổ thông					-
- Cổ phiếu ưu đãi					-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành					32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông					32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi					-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.					
22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi					

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	3.189.547.127	4.683.259.424	(622.429.860)	7.250.376.691
Quỹ phúc lợi	(103.777.915)	2.913.979.055	(1.816.304.484)	993.896.656
Cộng	<u>3.085.769.212</u>	<u>7.597.238.479</u>	<u>(2.438.734.344)</u>	<u>8.244.273.347</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chỉ tiêu	Luỹ kế năm 2008
Tổng Doanh thu	2.810.665.388.844
- <i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, NVL, phụ phẩm</i>	2.807.168.250.604
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu</i>	3.497.138.240
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(14.271.126.710)
Doanh thu thuần	<u>2.796.394.262.134</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, nguyên vật liệu, phụ phẩm	2.349.016.840.605
Cộng	<u>2.349.016.840.605</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi + Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu + bán thức ăn	17.305.826.246
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	79.889.856.641
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.166.000
Cộng	<u>97.203.848.887</u>

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	48.646.626.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	51.896.227.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.538.480.000
Cộng	<u>108.081.330.177</u>

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	3.213.176.514
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	18.159.091
Chi phí khấu hao TSCĐ	46.980.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.805.812.472
Chi phí bằng tiền khác	41.083.820.550
Cộng	<u>159.167.949.611</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	13.416.380.979
---------------------------	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đồ dùng văn phòng	991.938.670
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.705.487.169
Chi phí bằng tiền khác	<u>19.448.043.397</u>
Cộng	<u><u>35.561.850.215</u></u>
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	203.783.621.789
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>(14.509.231.692)</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	189.274.390.097
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>30.000.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>6.309</u></u>

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 01 năm 2010

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc